BỘ CÔNG AN
BỆNH VIỆN 199

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1253/QĐ-BV199-KD

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm bổ sung hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện 199 năm 2026 đợt 3 theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 102/2026/TT-BCA ngày 25/06/2026 của Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-BV199-KD ngày 20/11/2026 của Bệnh viện 199 về việc phê duyệt dự toán mua sắm bổ sung hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện 199 năm 2026 đợt 3 theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược tại Tờ trình số 13 /TTr-KD ngày 20/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm bổ sung hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện 199 năm 2026 đợt 3 theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm bổ sung hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện

199 năm 2026 đợt 3 theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Khoa Dược và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và Bộ Công an.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Dược và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Ban Giám đốc (để bc);
- Lưu: VT, KD (Tĩnh-4b).

GIÁM ĐỐC

BỘ CÔNG AN BỆNH VIỆN 199

Thiếu tướng Hoàng Thanh Tuyền

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU MUA SẮM BỔ SUNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN 199 NĂM 2026 ĐỢT 3 THEO HÌNH THỨC CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN RÚT GỌN

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-BV199-KD ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện 199)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm (VNĐ) *(chi tiết theo phụ lục đính kèm)*
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện 199 Bộ Công an	Mua sắm bổ sung hóa chất, vật tư y tế tiêu hao thông thường sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn	Gồm 57 khoản (chi tiết theo phụ lục đính kèm)	1.932.077.070	Từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 1.932.077.070 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi đồng)* ***(Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định để thực hiện hợp đồng)***												



PHỤ LỤC

DANH MỤC MUA SẮM BỔ SUNG HÓA CHẤT-VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN 199 NĂM 2026 ĐỢT 3

(Kèm Quyết định số 1253 QĐ/BV199-KD ngày 20 tháng 11 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng			Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ		Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ
1	Cồn tuyệt đối	chai 1000ml	Lít	60	60	0	62.100	3.726.000	3.726.000	0
2	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0	Hộp 12 sợi	Sợi	60	60	0	78.750	4.725.000	4.725.000	0
3	Màng lọc thận 13L, tăng đào thải phosphate	1 Quả/ Túi 24 Quả/ Thùng	Quả	400	400	0	283.500	113.400.000	113.400.000	0
4	Giấy in nhiệt sử dụng cho máy tiệt trùng EO	2 cuộn/thùng	cuộn	5	5	0	2.111.845	10.559.225	10.559.225	0
5	Test kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước	240 que (đôi) /hộp	que	2.500	2.500	0	2.900	7.250.000	7.250.000	0
6	Ống co nối con sâu	1 cái/ gói	Cái	1.500	1.500		8.500	12.750.000	12.750.000	0
7	Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động	200 Miếng/ gói	Miếng	100	100	0	33.000	3.300.000	3.300.000	0
8	Dầu bôi trơn dụng cụ phẫu thuật	Chai xịt 400 mL	Chai	5	5	0	1.450.000	7.250.000	7.250.000	0
9	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	01 bộ/ túi	Bộ	20	20	0	3.000.000	60.000.000	60.000.000	0
10	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	01 Bộ/ thùng	Bộ	20	20	0	6.000.000	120.000.000	120.000.000	0
11	Hệ thống chữ T cai máy thở	Cái/ Gói	Cái	50	50	0	73.290	3.664.500	3.664.500	0
12	Miếng cầm máu mũi	10 miếng/ hộp	Miếng	100	100	0	51.500	5.150.000	5.150.000	0

STT	Tên hàng hóa	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng			Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ		Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ
13	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	01 bộ/ túi	Bộ	15	15	0	9.000.000	135.000.000	135.000.000	0
14	Đè lưỡi gỗ	100 cái/ hộp	Cái	70.000	0	70.000	310	21.700.000	0	21.700.000
15	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 7/0	24 tép/hộp	Tép	480	480	0	27.000	12.960.000	12.960.000	0
16	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0	Sợi/Tép 12 tép/hộp	Sợi	120	120	0	58.000	6.960.000	6.960.000	0
17	Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động	200 miếng /gói	Miếng	800	800	0	33.000	26.400.000	26.400.000	0
18	Chỉ thị sinh học kiểm soát tiệt trùng EO, sử dụng với máy đọc 3M™ Attest™ Auto-reader 390G	50 ống/hộp 4 hộp/thùng	Ống	300	300	0	103.690	31.107.000	31.107.000	0
19	Đai Desault các cỡ	1 cái/ gói	Cái	50	50	0	90.000	4.500.000	4.500.000	0
20	Dây hút nhớt có khóa và không khóa (các số)	1cái/túi	Cái	10.000	10.000	0	1.870	18.700.000	18.700.000	0
21	Gel siêu âm	Can 5 lít	Can	60	0	60	126.000	7.560.000	0	7.560.000
22	Bộ bơm tiêm điện	Túi 1 bộ	Bộ	300	50	250	324.000	97.200.000	16.200.000	81.000.000
23	Rọ Lấy Sỏi 2.5 Fr	Cái/ Hộp	Cái	10	10	0	2.100.000	21.000.000	21.000.000	0
24	Miếng dán điện cực đơn cực, lưỡng cực dùng 1 lần	5 miếng/ gói	Miếng	500	500	0	52.500	26.250.000	26.250.000	0

STT	Tên hàng hóa	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng			Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ		Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ
25	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường Artline	1 cái/ hộp	Cái	10	10	0	285.000	2.850.000	2.850.000	0
26	Xét nghiệm APTIMA HPV (Đã bao gồm hóa chất, vật tư tiêu hao và đọc kết quả được chạy trên hệ thống Panther)	1 Gói dịch vụ/ Bộ	Dịch vụ	50	0	50	620.000	31.000.000	0	31.000.000
27	Que thử đường huyết	50 que/ hộp	Que	1.000	0	1.000	4.200	4.200.000	0	4.200.000
28	Dây điện cực tạm thời	5 Cái/ Hộp	Cái	5	5	0	3.150.000	15.750.000	15.750.000	0
29	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Liquid Specific Protein (LSP CAL)	6 x 1 x 1.0 mL	Hộp	3	2	1	11.706.540	35.119.620	23.413.080	11.706.540
30	Thuốc thử xét nghiệm Rheumatoid Factor (RF)	2 x 180 test/hộp	Hộp	2	1	1	7.732.620	15.465.240	7.732.620	7.732.620
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Hộp (4 x 400 test)	Test	10.000	7000	3000	19.773	197.733.375	138.413.363	59.320.013
32	Thuốc thử xét nghiệm testosterone toàn phần	100 test/hộp	Test	500	350	150	66.300	33.150.000	23.205.000	9.945.000
33	Thuốc thử xét nghiệm 25(OH) vitamin D toàn phần	100 test/hộp	Test	500	350	150	142.555	71.277.500	49.894.250	21.383.250
34	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Vitamin D toàn phần (VitD QC)	3 x 2 x 2 mL	Hộp	2	1	1	2.645.880	5.291.760	2.645.880	2.645.880
35	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Bilirubin	6 x 3.0 mL	Hộp	3	2	1	2.913.120	8.739.360	5.826.240	2.913.120

STT	Tên hàng hóa	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng			Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ		Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ
36	Dung dịch rửa ống hút 1 (APW1)	2 x 25 mL	Hộp	2	1	1	2.377.620	4.755.240	2.377.620	2.377.620
37	Dung dịch pha loãng 3	2 x 5 mL	Hộp	2	1	1	3.255.840	6.511.680	3.255.840	3.255.840
38	Dung dịch pha loãng xét nghiệm Vitamin D	2 x 25 mL	Hộp	2	1	1	4.766.460	9.532.920	4.766.460	4.766.460
39	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh nước tiểu	Hộp (12 lọ x 10 ml)	Lọ	2	1	1	536.000	1.072.000	536.000	536.000
40	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh nước tiểu	Hộp (12 lọ x 10 ml)	Lọ	2	1	1	536.000	1.072.000	536.000	536.000
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	Hộp 2000 test	Test	8.000	5600	2400	3.315	26.520.000	18.564.000	7.956.000
42	Test nhanh phát hiện định tính hemoglobin máu trong mẫu phân người	Hộp 25 test	test	100	75	25	18.000	1.800.000	1.350.000	450.000
43	Bộ hóa chất đo tải lượng virus HBV	96 test/Bộ	test	192	0	192	347.445	66.709.440	0	66.709.440
44	Hóa chất tách chiết trong sinh học phân tử	100 test/Bộ	test	200	0	200	121.000	24.200.000	0	24.200.000
45	Gelcar Coombs trực tiếp, thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 37 độ C	2x25 cards /Hộp (Hộp 50 Cards)	Cards	100	70	30	133.917	13.391.700	9.374.190	4.017.510
46	Định tính HCV Ab	Hộp 2x50test	test	500	350	150	106.302	53.151.000	37.205.700	15.945.300
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hộp 1792 test	Test	3.584	1792	1792	13.866	49.694.400	24.847.200	24.847.200

STT	Tên hàng hóa	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng			Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ		Tổng	Bảo hiểm	Dịch vụ
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid	Hộp 4800 test	Test	4.800	0	4.800	2.555	12.263.460	0	12.263.460
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	Hộp 100 test	Test	700	500	200	44.982	31.487.400	22.491.000	8.996.400
50	Atellica CH Gamma-Glutamyl Transferase_2 (GGT_2)	Hộp 1792 test	test	8.960	5376	3584	2.833	25.382.700	15.229.620	10.153.080
51	HbA1c Direct	R1:1x79,5ml+ R2:1x32ml + Hemolysing Reagent: 2x75ml	Hộp	3	2	1	35.903.950	107.711.850	71.807.900	35.903.950
52	Định lượng CA 15-3	2x50test /Hộp (Hộp 100 Test)	Test	700	500	200	97.797	68.457.900	48.898.500	19.559.400
53	Định lượng Ferritin	2x50test /Hộp (Hộp 100 Test)	Test	1.000	700	300	26.670	26.670.000	18.669.000	8.001.000
54	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine (T3)	Hộp 120 test	Test	720	480	240	32.758	23.585.760	15.723.840	7.861.920
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose Hexokinase	Hộp 6240 test	Test	12.480	6240	6240	2.048	25.559.040	12.779.520	12.779.520
56	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP (PBNP)	Hộp 100 Tests	test	400	300	100	289.000	115.600.000	86.700.000	28.900.000
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy	Hộp 100 test	Test	1.000	700	300	55.260	55.260.000	38.682.000	16.578.000
	Tổng cộng: 57 khoản							**1.932.077.070**	**1.354.376.548**	**577.700.523**

Một tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi đồng chẵn.

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Hoàng Thanh Tuyền

